

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/DS-ST
Ngày: 21/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong,

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Minh Hải

2. Bà Bùi Thị Lài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị X, sinh năm 1962. Có mặt

Nơi cư trú: Số 388 đường K, khối 11, phường K, thành phố B, tỉnh Đ1.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn 2 T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Bá L,

- Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá L: bà Phan Thị X (theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2017)

Nơi cư trú: Số 388 đường K, khối 11, phường K, thành phố B, tỉnh Đ1.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn 2 T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/3/2017 và trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá L là bà Phan Thị X trình bày: Năm 2008 anh Nguyễn Văn T có vay của vợ chồng bà X, ông L một số tiền, sau đó bà X, ông L lấy tiền của chính mình để mua phân bón giùm cho vợ chồng anh T, chị N. Tổng số tiền của hai lần trên là 59.300.000 đồng. Đến ngày 03/4/2014 vợ chồng bà X, ông L có đến nhà vợ chồng anh T để yêu cầu vợ chồng anh T trả nợ thì anh T viết 01 giấy khất nợ với nội dung anh T còn nợ vợ chồng bà X, ông L số tiền 59.300.000 đồng và hẹn đến ngày 30/11/2014 sẽ trả đủ. Nhưng từ đó đến nay anh T không trả cho vợ chồng ông L, bà Xuân được khoản tiền nào nên bà X đã có đơn yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả cho vợ chồng bà X, ông L số tiền 59.300.000 đồng.

Trong bản tự khai ngày 05/7/2017 và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 02/7/2003 giữa vợ chồng anh Nguyễn Văn T và vợ chồng bà Phan Thị X có giao kết 01 hợp đồng khoán rẫy cà phê theo đó vợ chồng anh T chăm sóc 2.100 cây cà phê cho vợ chồng bà X với giá 6.000.000đ/năm, thời hạn hợp đồng là 05 năm. Quá trình làm khoán, vợ chồng anh T có ứng trước tiền để chi tiêu sinh hoạt. Đến tháng 5/2007 thì vợ chồng bà Xuân tìm được người khác làm cho nên thanh lý hợp đồng với vợ chồng anh T. Khi thanh lý hợp đồng thì hai bên chốt số tiền vợ chồng anh T còn nợ ông L, bà X là 13.400.000 đồng. Thực tế, vợ chồng anh T không nợ vợ chồng bà X số tiền như bà X trình bày. Nên trước yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị X thì anh T chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 13.400.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N đồng ý với ý kiến của anh Nguyễn Văn T.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị X cung cấp 01 giấy khất nợ đề ngày 03/4/2014, có chữ ký của anh Nguyễn Văn T. Đối với chứng cứ trên, anh Nguyễn Văn T thừa nhận chữ ký trong giấy khất nợ trên là chữ ký của anh nhưng anh cho rằng anh bị bà X ép ký vào giấy trên, nội dung trong giấy khất nợ trên không đúng. Tuy nhiên, anh T không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc anh bị bà Xuân ép ký tên.

Anh Nguyễn Văn T cũng nộp cho Tòa án 01 hợp đồng giao khoán rẫy cà phê đề ngày 02/7/2003, anh T cho rằng vợ chồng anh chỉ còn nợ vợ chồng bà X số tiền 13.400.000 đồng phát sinh từ hợp đồng này. Bà Phan Thị X thừa nhận giữa hai bên có hợp đồng trên. Tuy nhiên, theo bà Xuân hợp đồng giao khoán rẫy cà phê trên đã chấm dứt, khoản tiền anh T còn nợ bà X là 59.300.000 đồng không liên quan gì đến hợp đồng trên.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự giữ nguyên quan điểm của mình, yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện VKS đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị X, buộc anh Nguyễn Văn T phải trả số tiền 59.300.000đ và phần lãi đối với khoản nợ chậm trả theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị X khởi kiện anh Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ giấy khất nợ đề ngày 03/4/2014. Thời điểm bà X khởi kiện ngày 24/3/2017 vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 BLDS. Vì vậy, HĐXX nhận thấy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T hiện đang cư trú tại Thôn 2 Ta Mung, xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] HĐXX nhận thấy, giấy khất nợ đề ngày 03/4/2014 do nguyên đơn bà Phan Thị X cung cấp cho Tòa án thấy rằng: Trong giấy khất nợ có ghi nội dung anh T có nợ bà X, ông L số tiền 59.300.000 đồng nhưng chưa có đủ điều kiện để trả nên xin khất lại đến ngày 30/11/2014. Anh T thừa nhận chữ ký trong giấy trên đúng là của mình. Anh T cho rằng nội dung trong giấy không đúng và anh bị bà X, ông L ép ký vào giấy, tuy nhiên anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Anh Nguyễn Văn T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có sức khỏe, không bị hạn chế về năng lực hành vi và thể chất nên anh T hoàn toàn có thể đọc và hiểu nội dung trong giấy khất nợ trên và phải chịu trách nhiệm về chữ ký của mình. Như vậy, HĐXX xét thấy nội dung anh Nguyễn Văn T có vay của bà Phan Thị X số tiền 59.300.000 đồng là có thật, do anh T không có điều kiện trả nên đã khất nợ bà X đến ngày 30/11/2014 sẽ trả. Hết ngày 30/11/2014 anh T không trả được nợ cho vợ chồng bà X nên bà Xuân khởi kiện anh Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án buộc anh T trả số nợ 59.300.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3]. Trong giấy khất nợ chỉ có chữ ký của anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị N vợ anh T thừa nhận còn nợ vợ chồng bà X số tiền 13.400.000 đồng là khoản nợ

chung phát sinh từ hợp đồng khoán rẫy cà phê. Đối với số tiền 59.300.000 đồng chị N chỉ biết khi hai bên lập giấy khát nợ trên. Tuy nhiên, chị N không ký tên vào giấy và không thừa nhận là khoản nợ chung của vợ chồng chị nên chị N không có nghĩa vụ phải trả. Mặt khác, anh Nguyễn Văn T tự mình ký tên vào giấy khát nợ với nội dung như trên nên anh T phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà X, ông L.

[4]. Đối với ý kiến của anh Nguyễn Văn T về việc anh T không nợ bà X số tiền 59.300.000 đồng, việc anh T ký vào giấy khát nợ là do bị bà X ép buộc nhưng anh T không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc bà X ép buộc anh ký tên nên không có cơ sở chấp nhận. Đối với ý kiến của anh T về việc vợ chồng anh chỉ còn nợ vợ chồng bà X số tiền 13.400.000 đồng xuất phát từ việc ứng tiền công theo hợp đồng khoán rẫy cà phê ngày 02/7/2003, bà X thừa nhận hai bên có hợp đồng khoán rẫy cà phê nhưng không liên quan gì đến khoản nợ trên. Thực tế trong giấy khát nợ đề ngày 03/4/2014 cũng không có nội dung nào thể hiện số tiền khát nợ trên xuất phát từ hợp đồng khoán rẫy cà phê, nên ý kiến của anh T không có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị X được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ số tiền 59.300.000 đồng là $(59.300.000đ \times 5\%) = 2.965.000$ đồng (*Hai triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143; Điều 184, 185 của BLTTDS; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 429 BLDS 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị X,

Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho bà Phan Thị X, ông Nguyễn Bá L số tiền còn nợ là 59.300.000 đồng (*Năm mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng*).

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 2.965.000 đồng (*Hai triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

Bà Phan Thị X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.482.500đ (*Một triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004094 ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phong